

Số: 2423/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp tại
Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND Thành phố.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 190/TTr-SNNMT ngày 21/4/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND Thành phố như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung:

- Điều chỉnh giảm: 02 hồ không được san lấp tại quận Tây Hồ, huyện Ứng Hoà.
- Điều chỉnh thông tin: 53 hồ, ao tại các quận, huyện: Hoàng Mai, Ứng Hoà.
- Bổ sung mới Danh mục hồ, ao không được san lấp: 339 hồ, ao tại các quận, huyện: Thanh Xuân, Hoàng Mai, Nam Từ Liêm, Chương Mỹ, Ứng Hoà.

(Có Danh mục chi tiết kèm theo).

2. Điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn thành phố Hà Nội ghi tại Điều 1 Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND Thành phố thành: 3.501 hồ, ao, đầm không được san lấp.

3. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và Công nghệ số thành phố Hà Nội) chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP; (để báo cáo)
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: CVP, PCVP.N.M.Q, NNMT, ĐT;
- Trung tâm TT, DL&CNS thành phố Hà Nội;
- Lưu: VP, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, HỒ, AO, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên hồ, ao, đầm, phá)	Vị trí (Tổ, thôn; xã, phường, thị trấn)	Diện tích		Dung tích (m3)	Loại hình, chức năng	Đơn vị quản lý	Ghi chú
			Km2	m2				
1	Quận Tây Hồ							
1.1.	Điều chỉnh giảm (đưa ra khỏi ranh mục): 01							
	Ao Đầm Trị	Tổ 5, phường Quảng An		67,260.0	100,893.0	Trồng sen		STT 10 mục 6 Quận Tây Hồ Tại QĐ số 1614/QĐ-UBND ngày 20/3/2025
1.2.	Bổ sung mới: không							
2	Quận Thanh Xuân							
2.1	Bổ sung mới: 03							
1	Hồ Lục Lãng	Phố Quan Nhân, phường Nhân Chính		3,980.0		Hồ thoát nước cho khu vực ngõ 179 và ngõ 181 Quan Nhân	UBND quận Thanh Xuân	
2	Hồ Khương Hạ	04 Khương Hạ, phường Khương Đình		1,800.0			UBND phường	
3	Ao xóm Hồng	Ngách 29/70 Khương Hạ, phường Khương Đình		1,200.0			UBND phường	
3	Quận Hoàng Mai							
3.1.	Điều chỉnh giảm (đưa ra khỏi ranh mục): Không							
3.2	Điều chỉnh thông tin, diện tích: 03							
1	Ao ông Vực	Tổ 19 phường Lĩnh Nam	0,0026			Điều tiết, cảnh quan	Đất giao cho các hộ dân theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ	Điều chỉnh đơn vị quản lý tại STT 14, Mục 8 tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND TP
2	Hồ Định Công	Tổ 15 ngõ 99 phố Định Công Hạ, phường Định Công		235,967.0	1,415,802.0	Hồ điều hòa	Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội	Điều chỉnh diện tích STT 35, Mục 8 tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND TP
3	Hồ Đầm Sòi	Tổ 1, phường Định Công		44,553.0	133,659.0	Hồ điều hòa	Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội	Điều chỉnh diện tích STT 36, Mục 8 tại Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND TP
3.3.	Bổ sung mới: 03							
1	Ao công Diễm	Tổ 12, Linh Đàm, phường Hoàng Liệt		1,471.0	2,942.0	Ao điều hòa	UBND phường Hoàng Liệt	Quy hoạch cây xanh F5/CX5
2	Hồ Tân Mai	Ngõ 40, Nguyễn Chính, phường Tân Mai		5,136.8	10,272.0	Hồ điều hòa	Sở Xây dựng	Dự án thoát nước
3	Ao giáp ngõ 180 phố Nam Dư	Tổ 7 phường Lĩnh Nam		1,000.0	3,900.0	Điều tiết, cảnh quan	UBND phường Lĩnh Nam	
4	Quận Nam Từ Liêm							
4.1.	Điều chỉnh giảm (đưa ra khỏi ranh mục): Không							
4.2.	Bổ sung mới: 19							
1	Hồ Vó	TDP số 7, phường Xuân Phương		2,913.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Chưa kê bờ

2	Ao Chuôm Đồng Nấm	TDP số 7 Hòe Thị, Phường Canh		5,541.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Chưa kê bờ
3	Giếng Đình Hòe Thị	TDP số 7, Hòe Thị, Phường Canh		454.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Đã kê bờ
4	Hồ điều hòa Dự án Hateco 6	TDP Tu Hoàng, Phường Canh		4,380.0		Hồ điều hòa	Tập đoàn Hateco	Đã kê bờ
5	Hồ Hà Dương	TDP số 18, Trung Văn		889.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Chưa kê bờ
6	Ao Gạo	TDP Phương, Tây Mỗ		1,017.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Đã kê bờ, tuy nhiên hiện trạng đã xuống cấp
7	Hồ Cầu Cốc	TDP Hạnh, Tây Mỗ		25,322.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Chưa kê bờ
8	Hồ Mã Bia	TDP Hạnh, Tây Mỗ		2,597.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Chưa kê bờ
9	Hồ Ngòi Chó	TDP Hạnh, Tây Mỗ		4,884.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Chưa kê bờ
10	Ao Đình Miêu Nha	TDP số 1 Miêu Nha, Tây Mỗ		1,058.0		Bảo tồn DTLS	UBND phường	Đã kê bờ, tuy nhiên hiện trạng đã xuống cấp
11	Ao Đình Phú Thứ	TDP Phú Thứ, phường Tây Mỗ		990.0		Bảo tồn DTLS	UBND phường	Đã kê bờ, tuy nhiên hiện trạng đã xuống cấp
12	Hồ điều hòa công viên Nhật Bản Zen park - KĐT Vinhomes smart city	Phường Tây Mỗ		2,500.0		Hồ điều hòa trong khu đô thị	Tập đoàn Vingroup	Đã kê bờ
13	Hồ điều hòa công viên Trung tâm Central park - KĐT Vinhomes smart city	Phường Tây Mỗ		70,000.0		Hồ điều hòa trong khu đô thị	Tập đoàn Vingroup	Đã kê bờ
14	Hồ công viên Mễ Trì (Matrione)	Phường Mễ Trì		25,000.0		Hồ điều hòa	Công ty Cổ phần đầu tư Mai Linh	Đã kê bờ
15	Hồ điều hòa công viên CV1	Phường Mỹ Đình 1		190,000.0		Hồ điều hòa	Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng	Đã kê bờ
16	Hồ Đồng Rạnh	TDP số 2, phường Phú Đô		10,000.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Chưa kê bờ
17	Hồ điều hòa công viên phía Bắc, phía Nam nghĩa Trang Mai Dịch	Phường Mỹ Đình 2		50,000.0		Hồ điều hòa	Công ty CP Đầu tư và phát triển đô thị Sài Đồng	Đã kê bờ
18	Ao trong KĐT chức năng Đại Mỗ FLC	phường Đại Mỗ		7,595.0		Hồ điều hòa	Công ty Cổ phần địa ốc Alaska	Đã kê bờ
19	Hồ Sen	phường Đại Mỗ		553.0		Tiêu thoát nước	UBND phường	Đã kê bờ
5	Huyện Chương Mỹ							
5.1.	Điều chỉnh giảm (đưa ra khỏi ranh mục): Không							
5.2.	Bổ sung mới: 170							
Thị trấn Chúc Sơn								
1	Ao Đình Xá	Tổ dân phố Đông Sơn		1,200.0	2,400.0	công trình tín ngưỡng	UBND thị trấn	
2	Ao Sân vận động (đối diện nhà văn hóa Đông Sơn)			2,500.0	5,000.0	Hồ chứa, Nuôi thủy sản	UBND thị trấn	
3	Ao Hòa Sơn	Tổ dân phố Hòa Sơn		2,000.0	4,000.0	Điều tiết dòng chảy chống ngập úng	UBND thị trấn	UBND Huyện đang cải tạo làm khuôn viên giếng trời
4	Ao Làng	Tổ dân phố Giap Ngọ		1,900.0	7,600.0	Điều tiết dòng chảy chống ngập úng	UBND thị trấn	
5	Đầm Vực	Tổ dân phố An Phú		6,000.0	30,000.0	Hồ chứa thủy lợi và Điều tiết dòng chảy	UBND thị trấn	
6	Ngọn Vực			41,600.0	208,000.0	Hồ chứa thủy lợi và Điều tiết dòng chảy	UBND thị trấn	
7	Vụng trên An Phú			19,900.0	59,700.0	Hồ chứa thủy lợi và Điều tiết dòng chảy	UBND thị trấn	
8	Vụng dưới An Phú			8,800.0	22,000.0	Hồ chứa thủy lợi và Điều tiết dòng chảy	UBND thị trấn	
9	Ao Tam Sung	Tổ dân phố Ninh Sơn		9,800.0	29,451.0	Hồ chứa thủy lợi và Điều tiết dòng chảy	UBND thị trấn	

10	Vực Ninh			54,200.0	542,000.0	Hồ chứa thủy lợi và Điều tiết dòng chảy	UBND thị trấn	
11	Ao trước cửa Đình Tràng An	Tổ dân phố Tràng An		800.0	1,760.0	công trình tín ngưỡng	UBND thị trấn	
12	Ao Đình Nội	Tổ dân phố Nội An		1,900.0	4,750.0	công trình tín ngưỡng	UBND thị trấn	
13	Ao giáp nhà thi đấu			14,300.0	42,900.0	Hồ chứa thủy lợi và Điều tiết dòng chảy	UBND thị trấn	
14	Ao Cửa huyện đội	Tổ dân phố Chùa Vàng		2,900.0	5,800.0	Hồ chứa thủy lợi và Điều tiết dòng chảy	UBND thị trấn	
Xã Đồng Phú								
15	Dộc ta	Thôn Hoà Xá		12,600.0	25,200.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
16	Dộc Vàng	Thôn Hoà Xá		23,900.0	35,800.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
Xã Đồng Phương Yên								
17	Ao Làng, thôn Lũng Vĩ	Thôn Lũng Vĩ		2,168.0		Ao điều hòa không khí, cảnh quan	UBND xã	Khu vui chơi
18	Ao làng, thôn Yên Kiện	Thôn Yên Kiện		2,890.0		Đất nuôi trồng thủy sản, chống ngập úng	UBND xã	
19	Ao làng, thôn Yên Kiện	Thôn Yên Kiện		3,250.0		Đất nuôi trồng thủy sản, chống ngập úng	UBND xã	
20	Ao làng, thôn Đông Cựu	Thôn Đông Cựu		1,920.0		Điều tiết dòng chảy, chống ngập úng	UBND xã	Ao xen kệt, điều tiết dòng chảy
21	Ao làng, thôn Đông Cựu	Thôn Đông Cựu		1,810.0		Điều tiết dòng chảy, chống ngập úng	UBND xã	Ao xen kệt, điều tiết dòng chảy
Xã Hoàng Diệu								
22	Ao Chùa Thiên Khánh	Thôn Bài Trượng		3,100.0	5,280.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
23	Ao Đình An Vọng	Thôn An Hiến		710.0	1,067.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
24	Ao Láng	Thôn An Hiến		2,300.0	2,99	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
25	Ao Chùa Phú Thọ Tự	Thôn An Hiến		2,300.0	3,437.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
26	Ao Đình Cổ Hiến	Thôn An Hiến		3,700.0	6,013.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
27	Ao Đền Hương	Thôn An Hiến		4,400.0	6,598.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
28	Ao Chùa Linh Ứng	Thôn Cốc Thượng		8,900.0	13,542.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
29	Ao Quán Cốc Thượng	Thôn Cốc Thượng		6,300.0	8,739.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
30	Ao Đình Cốc Trung	Thôn Làng Hạ		2,200.0	2,52	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
31	Ao Đình Cốc Hạ	Thôn Làng Hạ		1,300.0	1,04	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
32	Vực Trại Trung	Thôn Trại Trung		3,800.0	4,929.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
Xã Hợp Đồng								
33	Ao Thổ Mô	Thôn Thái Hòa		3,700.0	5,444.0	Trữ nước	UBND xã	
34	Ao Thổ Mô phía Tây	Thôn Thái Hòa		1,700.0	2,350.0	Trữ nước	UBND xã	
35	Ao cá Bác Hồ	Thôn Thái Hòa		10,600.0	12,060.0	Trữ nước	UBND xã	
36	Ao Cửa chùa	Thôn Thái Hòa		3,000.0	5,600.0	Trữ nước	UBND xã	
37	Ao Cửa đình	Thôn Đồng Lệ		8,500.0	9,850.0	Trữ nước	UBND xã	
38	Hồ Cấp I	Thôn Đồng Du		2,560.0	3,540.0	Trữ nước	UBND xã	
39	Ao Tăng Sân	Thôn Đạo Ngạn		5,350.0	6,650.0	Trữ nước	UBND xã	
Xã Hữu Văn								
40	Ao Hồ Tròn	Thôn An Thuận 1		19,100.0	1,900.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
41	Ao Hồ Sau	Thôn An Thuận 1		20,000.0	2,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
42	Ao Láng	Thôn Quang Trung		9,300.0	9,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
43	Ao Đình	Thôn Hòa Bình		4,500.0	4,500.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
Xã Hoàng Văn Thụ								
44	Ao Đầu	Thôn Hòa Bình		4,000.0	6,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
45	Ao Đình	Thôn Công An		5,000.0	8,700.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
46	Ao Đình	Thôn Thuận Lương		10,000.0	15,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
47	Ao Đình	Thôn Yên Trinh		8,000.0	12,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
Xã Ngọc Hòa								
48	Đầm Ruột Gà	Xã Ngọc Hòa		65,100.0	84,675.0	Điều tiết dòng chảy	Xí nghiệp khai thác thủy lợi huyện Chương Mỹ	
49	Hồ thôn Cá	Thôn Cá		6,400.0	6,300.0	Điều tiết dòng chảy	UBND xã	
50	Đầm Bến	Thôn Cầu		12,700.0	16,516.0	Điều tiết dòng chảy	UBND xã	

51	Đầm Cầu	Thôn Cả		13,900.0	18,057.0	Điều tiết dòng chảy	UBND xã	
Xã Nam Phương Tiến								
53	Hồ Núi Bé	Thôn Núi Bé		32,000.0	96,000.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
54	Ao Đầu nguồn	Thôn Núi Bé		7,000.0	28,000.0	Ao NTTS	UBND xã	
55	Đầm Cụt	Thôn Hạnh Côn		13,000.0	39,000.0	Đầm chứa nước	UBND xã	
Xã Phụng Châu								
56	Ao Cầu dưới	Thôn Phương Bản		1,600.0	4,115.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
57	Ao Đoài	thôn Long Châu Sơn		6,600.0	16,400.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
58	Sông Quạt Và	thôn Long Châu Sơn		30,400.0	76,066.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
59	Sông Sen	thôn Long Châu Sơn		12,700.0	31,826.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
60	Sông Lù Và	Thôn Long Châu Miếu		26,800.0	67,096.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
61	Sông Hang Cáo	Thôn Long Châu Miếu		30,200.0	75,430.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
62	Ao Cả	Thôn Phương Nghĩa		3,500.0	8,689.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
63	Ao Sông Cùng	Thôn Phương Nghĩa		7,100.0	17,795.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
64	Ao Đầm Châm	Thôn Phương Nghĩa		7,000.0	17,565.0	NTTS, chứa nước, điều hòa	UBND xã	
Xã Phú Nghĩa								
65	Hồ Quan Châm	Thôn Quan Châm		8,100.0				
66	Hồ Khê Than	Thôn Khê Than		7,300.0				
Xã Quảng Bị								
67	Ao cá Bác Hồ	Thôn 2		10,000.0	12,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
68	Hồ Bà Bới	Thôn Liên Hợp		4,300.0	5,160.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
69	Ao Làng	Thôn Liên Hợp		6,400.0	4,680.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
Xã Thụy Hương								
70	Ao đình Thụy Dương	Thôn Chúc Đồng		12,000.0		Chứa nước, điều hòa không khí	UBND xã	
71	Vực Thụy Hương	Thôn Trung Tiến		85,000.0		Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
72	Ao Đầm Cầu	Thôn Trung Tiến		5,429.0		NTTS	UBND xã	
73	Ao Công Đền	Thôn Trung Tiến		13,000.0		NTTS	UBND xã	
74	Ao Lò Gạch	Thôn Phú Bến		4,025.0		NTTS	UBND xã	
75	Ao cá Bác Hồ	Thôn Trung Tiến		5,208.0		Chứa nước, điều hòa không khí	UBND xã	
76	Ao Cô Giải	Thôn Chúc Đồng 1		2,600.0		Chứa nước, điều hòa không khí	UBND xã	
77	Ao Công Đê	Thôn Trung Tiến		8,840.0		NTTS	UBND xã	
Xã Tiên Phương								
78	Ao sen chùa trăm gian	thôn Tiên Lữ		2,000.0	1,900.0	Khu di tích du lịch	Sở văn hóa	
79	Lạch máng 7	thôn Tiên Lữ		2,000.0	2,000.0	Chứa nước	UBND xã	
80	Ao Đầu Đình	thôn Tiên Lữ		2,500.0	2,500.0	Khu di tích du lịch	UBND xã	
81	Ao cạnh trụ sở UBND xã	thôn Tiên Lữ		5,000.0	4,800.0	Khu điều hóa	UBND xã	
82	Ao đầu địa Châm	Thôn Sơn Đồng		7,000.0	6,300.0	Chứa nước	UBND xã	
83	Ao hồ cô Pháp	Thôn Sơn Đồng		2,000.0	1,800.0	Chứa nước	UBND xã	
84	Ao Quán Ngoại	Thôn Quyết Tiến		400.0	300.0	Khu di tích du lịch	UBND xã	
85	Ao Rờm	Thôn Quyết Tiến		700.0	650.0	Khu điều hóa	UBND xã	
86	Ao Quán Giữa	Thôn Quyết Tiến		300.0	300.0	Khu di tích du lịch	UBND xã	
Xã Tốt Động								
87	Hồ Đình	Thôn Leo		8,489.0	12,734.0	Hồ chứa thủy lợi	UBND xã	
88	Ao thôn Mát	Thôn Mát		4,357.0	6,535.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
89	Công Ao	Thôn Mới		2,180.0	3,270.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
90	Công Ao	Thôn Mới		1,597.0	2,395.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
91	Đồng Sỏi	Thôn Mới		6,691.0	10,036.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
92	Đồng Sỏi	Thôn Mới		4,607.0	6,910.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
93	Ao Đoòng Trê	Thôn Trại		16,650.0	24,973.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
94	Đầm Ruột Gà	Thôn Trại		56,500.0	84,703.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
95	Đồng Khô	Thôn Đầm		17,900.0	21,470.0	Hồ chứa thủy lợi	UBND xã	
96	Đồng Thích	Thôn Đầm		9,312.0	11,174.0	Hồ chứa thủy lợi	UBND xã	
Xã Trần Phú								
97	Hồ Láng	Thôn Trung Tiến		40,700.0	203,500.0	Điều tiết dòng chảy chống ngập úng	UBND xã	
Xã Trường Yên								
98	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		1,458.4	5,833.6	ao sinh thái	UBND xã	
99	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		807.6	3,230.4	ao sinh thái	UBND xã	

100	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		1,085.7	4,342.8	ao sinh thái	UBND xã	
101	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		2,164.2	8,656.8	ao sinh thái	UBND xã	
102	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		1,810.1	7,240.4	ao sinh thái	UBND xã	
103	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		1,218.6	4,874.4	ao sinh thái	UBND xã	
104	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		2,263.8	9,055.2	ao sinh thái	UBND xã	
105	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		1,171.5	4,686.0	ao sinh thái	UBND xã	
106	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		775.4	3,101.6	ao sinh thái	UBND xã	
107	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		3,401.9	13,607.6	ao sinh thái	UBND xã	
108	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		1,433.5	5,734.0	ao sinh thái	UBND xã	
109	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		1,163.0	4,652.0	ao sinh thái	UBND xã	
110	Ao An Ninh	thôn Yên Trường 1		1,344.3	5,377.2	ao sinh thái	UBND xã	
111	Ao ông Tổng	thôn Nhật Tiến		1,629.8	6,519.2	ao sinh thái	UBND xã	
112	Ao cá Bắc Hồ	thôn Yên Trường 1		25,717.1	102,868.4	ao sinh thái	UBND xã	
113	Đầm ruột gà	thôn Tân Yên		35,449.8	141,799.2	Nuôi trồng thủy sản	UBND xã	
114	Đầm ruột gà	thôn Tân Yên		20,321.2	81,284.8	Nuôi trồng thủy sản	UBND xã	
115	Hùng Gạo	thôn Tân Yên		5,688.8	22,755.2	ao sinh thái	UBND xã	
116	Hồ Đồng An	thôn Yên Trường 1		1,544.3	6,177.2	ao sinh thái	UBND xã	
117	Ao Hồ	thôn Phù Yên		3,629.0	14,516.0	ao sinh thái	UBND xã	
118	Hồ Vững Voi	thôn Nhật Tiến		1,200.0	6,000.0	ao sinh thái	UBND xã	
119	Ao Ngõ Công	thôn Yên Trường		1,440.0	5,760.0	ao sinh thái	UBND xã	
120	Ao Giáp	thôn Phù Yên		9,550.0	38,200.0	Nuôi trồng thủy sản	UBND xã	
121	Ao Đình	thôn Phù Yên		1,150.0	4,600.0	ao sinh thái	UBND xã	
Xã Thượng Vực								
122	Ao Tam Quan	Thôn An Thượng		800.0	1,040.0	Hồ chứa thủy lợi	UBND xã	
123	Ao Lang	Thôn Đồng Luân		3,100.0	4,030.0	Hồ chứa thủy lợi	UBND xã	
Xã Thủy Xuân Tiên								
124	Ao đình	Thôn Tiên Trượng		100.0	1,000.0	công trình tín ngưỡng	UBND xã	
125	Ao đình	Thôn Tiên Ân		3,900.0	3,990.0	công trình tín ngưỡng	UBND xã	
126	Ao đình	Thôn Trí Thủy		6,200.0	6,200.0	công trình tín ngưỡng	UBND xã	
127	Ao Trầm Khách Sạn	Thôn Xuân Thủy		4,300.0	4,300.0	Hồ chứa thủy lợi, NTTS	UBND xã	
128	AO ông Trức	Thôn Trí Thủy		5,200.0	5,200.0	Hồ chứa thủy lợi, NTTS	UBND xã	
129	Ao khu trung tâm cây có múi	Thôn Xuân Trung		3,400.0	3,500.0	Hồ chứa thủy lợi, NTTS	UBND xã	
130	Ao khu Xuân Long	Thôn Xuân Long		17,600.0	17,600.0	Hồ chứa thủy lợi, NTTS	UBND xã	
Thị trấn Xuân Mai								
131	Hồ Bãi Năng	TDP Tân Bình		26,930.0		NTTS	UBND xã	
132	Hồ Suối Tri 1	TDP Tân Bình		52,500.0		NTTS	UBND xã	
133	Hồ Suối Tri 2	TDP Tân Bình		4,200.0		NTTS	UBND xã	
134	Ao Chiến Thắng	TDP Chiến Thắng		38,790.0		NTTS	UBND xã	
135	Ao Dốc Dài	TDP Chiến Thắng		2,350.0		NTTS	UBND xã	
136	Ao Ông Dốc	TDP Tân Mai		5,120.0		NTTS	UBND xã	
137	Ao Lỗ Hội	TDP Xuân Mai		2,850.0		NTTS	UBND xã	
138	Ao Lâm Nghiệp	Trường ĐH Lâm Nghiệp		14,630.0		NTTS	UBND xã	
139	Lạch nước 386	TDP Tân Xuân		2,930.0		NTTS	UBND xã	
140	Ao Trạm Xá	TDP Tiên Trượng		3,780.0		NTTS	UBND xã	
Xã Đại Yên								
141	Hồ Hải Vân	Xã Đại Yên		28,200.0	169,200.0	Hồ chứa NTTS	UBND xã	
142	Hồ Hải Vân	Xã Đại Yên		69,200.0	484,400.0	Hồ chứa NTTS	UBND xã	
143	Hồ Hải Vân	Xã Đại Yên		52,500.0	315,000.0	Hồ chứa NTTS	UBND xã	
Xã Đông Sơn								
144	Hồ Đồng Tròn	Thôn An Sơn		11,000.0	27,000.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
145	Ao Ràng Ràng	Thôn An Sơn		15,000.0	37,500.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
146	Ao Cửa Đình	Thôn An Sơn		8,000.0	20,000.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
147	Ao Chùa cũ	Thôn Lương Sơn		13,000.0	19,000.0	Ao chứa nước	UBND xã	
148	Ao đồng Sấu	Thôn Quyết Thượng		32,000.0	96,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
149	Ao Hồ	Thôn Quyết Thượng		5,500.0	8,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
150	Ao Giữa	Thôn Quyết Thượng		5,000.0	8,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	

151	Ao Rộc Khoai	Thôn DĐông Cựu		12,000.0	18,000.0	Ao chứa nước, NTTS	UBND xã	
152	Ao Rộc Khoai	Thôn DĐông Cựu		4,000.0	10,000.0	Ao chứa nước	UBND xã	
153	Ao Cừ	Thôn Quyết Hạ		14,000.0	14,000.0	Ao chứa nước	UBND xã	
154	Ao Giang Biên	Thôn Quyết Hạ		7,000.0	7,000.0	Ao chứa nước	UBND xã	
Xã Tân Tiến								
155	Đập Hùm Chê	Thôn ĐỒi chè		1,000.0	2,000.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
156	Vai Đồng Chạo	Thôn Đồi Chè		700.0	1,500.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
Xã Lam Điền								
157	Khu Ao Đồng	Thôn Lam Điền		23,700.0	35,529.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
158	Khu Ao Quai Vạc	Thôn Lương Xá		2,400.0	3,594.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
159	Khu Ao Quai Vạc	Thôn Lương Xá		5,000.0	7,521.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
160	Ao Làng	Thôn Đại Từ		7,000.0	10,555.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
161	Khu Ao ông Trùm	Thôn Lương Xá		1,400.0	2,055.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
162	Khu Ao Chòi	Thôn Lương Xá		2,700.0	3,999.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
163	Khu Ao Đường Bến	Thôn Đại Từ		4,500.0	6,696.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
164	Khu Ao ông Liễu	Thôn Lam Điền		2,000.0	2,946.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
165	Khu Ao ông Trùm	Thôn Lương Xá		5,300.0	7,948.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
166	Khu Ao đường Bến	Thôn Đại Từ		3,200.0	4,872.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
167	Ao sen	Thôn Lam Điền		3,600.0	5,385.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
168	Ao Kỹ Thuật	Thôn Lam Điền		2,000.0	2,972.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
169	Ao Trạm Xá	Thôn Ứng Hòa		1,300.0	1,892.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
170	Ao thôn	Thôn Duyên Ứng		3,600.0	5,411.0	Hồ chứa, NTTS	UBND xã	
6	Huyện Ứng Hoà							
6.1	Điều chỉnh giảm (đưa ra khỏi ranh mục): 01							
1	Ao đình Ngũ Luân	Ngũ Luân, Đại Hùng		3,278.7	4,918.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Hùng	Đề xuất điều chỉnh bỏ. Lý do: Đề xuất quy hoạch mở rộng đường giao thông liên thôn
6.2	Điều chỉnh thông tin, diện tích: 50							
1	Ao Đình Đông Đình	Đông Đình, Đại Cường		1,229.9	8,769.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	Điều chỉnh tên, vị trí
2	Ao thôn Kim Giang	Kim Giang, Đại Cường		5,004.0	3,496.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	Điều chỉnh tên, vị trí
3	Ao trước cửa Đình- Giang Triều	Giang Triều - Đại Cường		4,000.0	5,440.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	Điều chỉnh tên, vị trí
4	Ao giếng Đầm Tía	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		14,673.6	27,879.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Thành	Điều chỉnh tên, vị trí
5	Ao xóm đình	Thôn Viên Đình, Đông Lỗ		11,857.0	23,714.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	Điều chỉnh tên, vị trí
6	Ao làng	Thôn Thống Nhất, Đông Lỗ		20,394.0	36,709.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	Điều chỉnh tên, vị trí
7	Ao cá Bác Hồ	Dư Xá, Thái Hoà		7,703.3	16,176.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Nam	Điều chỉnh tên, vị trí
8	Ao cá bác Hồ	Đặng Giang, Hòa Phú		8,636.3	20,727.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	Điều chỉnh tên, vị trí
9	Hồ ngược An Phú	An Phú, Hòa Phú		14,022.7	25,240.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	Điều chỉnh tên, vị trí
10	Ao Đường Nam	Miêng Thượng, Hoa Viên		9,598.1	19,196.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hoa Sơn	Điều chỉnh tên, vị trí
11	Ao Hồ	Miêng Hạ, Hoa Viên		7,243.5	13,038.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hoa Sơn	Điều chỉnh tên, vị trí
12	Ao cá Bác Hồ	Thái Hòa, Thái Hoà		4,038.6	6,865.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Xá	Điều chỉnh tên, vị trí
13	Ao Làng	Bãi Lãm Hạ, Bình Lưu Quang		6,824.5	11,601.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hồng Quang	Điều chỉnh tên, vị trí
14	Ao thùng Bom	Tu Lễ, Kim Đường		6,763.3	12,173.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Kim Đường	Điều chỉnh tên, vị trí
15	Ao Lò gạch	Vũ Nội, Liên Bạt		9,136.6	19,186.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Liên Bạt	Điều chỉnh tên, vị trí
16	Ao Cả	Lưu Khê, Liên Bạt		9,014.0	18,028.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Liên Bạt	Điều chỉnh tên, vị trí
17	Ao Đình	Lương Xá, Liên Bạt		8,287.4	14,917.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Liên Bạt	Điều chỉnh tên, vị trí
18	Ao cá Bác Hồ	Ngoại Hoàng Thanh Bỏ, Lưu Hoàng		10,265.4	20,530.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Lưu Hoàng	Điều chỉnh tên, vị trí
19	Ao làng cửa chùa	Thanh bỏ, Bình Lưu Quang		8,652.4	16,439.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Lưu Hoàng	Điều chỉnh tên, vị trí

20	Hồ Ngược	Phù Lưu Thượng, Phù Lưu		26,578.7	50,499.5	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phù Lưu	Điều chỉnh tên, vị trí
21	Chuôm Ngược đường Chùa	Phù Lưu Hạ, Phù Lưu		57,983.2	115,966.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phù Lưu	Điều chỉnh tên, vị trí
22	Ao Cửa Chùa	Phí Trạch, Phương Tú		5,891.1	11,782.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	Điều chỉnh tên, vị trí
23	Ao Cổng Đình	Ngọc Động, Phương Tú		23,319.4	41,974.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	Điều chỉnh tên, vị trí
24	Ao Đàng Chùa	Đông Dương, Tảo Dương Văn		7,992.5	13,587.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	Điều chỉnh tên, vị trí
25	Ao sông Đình	Tảo Khê, Tảo Dương Văn		13,248.2	26,496.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	Điều chỉnh tên, vị trí
26	Ao giữa làng	Văn Cao, Tảo Dương Văn		9,184.5	15,613.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	Điều chỉnh tên, vị trí
27	Ao Chùa Phú Điền	Phú Điền, Trầm Lộng		7,685.7	7,752.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	Điều chỉnh tên, vị trí
28	Thung Quán +Ao lán phân	Cao Minh, Trầm Lộng		5,883.5	11,178.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	Điều chỉnh tên, vị trí
29	Hồ cửa làng	An Thái, Trầm Lộng		18,183.2	38,184.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	Điều chỉnh tên, vị trí
30	Ao cá bác hồ	Quảng Tái, Trung Tú		4,931.8	10,850.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trung Tú	Điều chỉnh tên, vị trí
31	Ao cá Bác Hồ	Trung Thịnh, Trường Thịnh		6,271.8	12,543.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trường Thịnh	Điều chỉnh tên, vị trí
32	Ao Đầm Đá	Hoa Đường, Trường Thịnh		8,094.5	12,951.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trường Thịnh	Điều chỉnh tên, vị trí
33	Hồ điều hòa TTTM	Lê Lợi, Văn Đình		6,632.0	13,264.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND thị trấn Văn Đình	Điều chỉnh tên, vị trí
34	Vực Đền Cự	Nội Xá, Thái Hoà		6,688.0	12,038.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Vạn Thái	Điều chỉnh tên, vị trí
35	Ao cá Bác Hồ	Tiền, Hoa Viên		8,600.0	18,920.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Viên Nội	Điều chỉnh tên, vị trí
36	Nổ Đền	Triều Khúc, Bình Lưu Quang		39,791.3	87,540.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đội Bình	Điều chỉnh tên, vị trí
37	Nổ Cát	Kim Châm, Bình Lưu Quang		30,675.5	55,215.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đội Bình	Điều chỉnh tên, vị trí
38	Hồ cửa làng Khả Lạc	Khả Lạc, Đồng Tân		833.2	1,416.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đồng Tân	Điều chỉnh tên, vị trí
39	Ao số 2	Hoàng Dương, Cao Sơn Tiến		15,690.3	31,380.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Sơn Công	Điều chỉnh tên, vị trí
40	Hồ Vực	Nghi Lộc, Cao Sơn Tiến		22,449.4	44,898.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Sơn Công	Điều chỉnh tên, vị trí
41	Hồ Dưới	Vĩnh Thượng, Cao Sơn Tiến		8,894.6	16,010.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Sơn Công	Điều chỉnh tên, vị trí
42	Ao Đồng Cả Cửa Chùa	Quan Châm, Minh Đức		11,469.7	22,939.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Minh Đức	Điều chỉnh tên, vị trí
43	Ao Cửa Cổng	Giới Đức, Minh Đức		8,036.9	16,877.5	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Minh Đức	Điều chỉnh tên, vị trí
44	Ao cá Bác Hồ	Quảng Nguyên, Quảng Phú Cầu		11,434.9	20,582.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Quảng Phú Cầu	Điều chỉnh tên, vị trí
45	Ao Đình tràng	Phú Lương Hạ, Quảng Phú Cầu		8,054.3	16,108.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Quảng Phú Cầu	Điều chỉnh tên, vị trí
46	Ao Đàng Sông	Thành Vật, Cao Sơn Tiến		18,813.3	41,389.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đồng Tiến	Điều chỉnh tên, vị trí
47	Hồ Đồng Ngói	Trạch Xá, Trầm Lộng		7,011.8	15,426.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Lâm	Điều chỉnh tên, vị trí
48	Ao Thủ tri	Hòa Chanh, Trầm Lộng		15,427.6	24,684.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Lâm	Điều chỉnh tên, vị trí
49	Ao Cửa Làng	Phúc Quan, Trầm Lộng		14,941.1	32,870.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Lâm	Điều chỉnh tên, vị trí
50	Ao Cửa Đình	Đổng Long, Trầm Lộng		18,448.4	38,741.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Lâm	Điều chỉnh tên, vị trí
6.3	Bổ sung mới: 144							
1	Ao Đình	Hậu Xá, Phương Tú		3,496.4	6,992.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	
2	Ao Đình	Dương Khê, Phương Tú		785.2	1,491.9	Cảnh quan sinh thái	UBND xã Phương Tú	
3	Ao Chùa	Nguyễn Xá, Phương Tú		2,473.0	5,440.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	
4	Ao Cửa ông Thuần	Động Phí, Phương Tú		3,191.3	6,701.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	
5	Ao Giếng Đình	Động Phí, Phương Tú		2,649.4	5,563.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	
6	Ao Bà Trang	Động Phí, Phương Tú		2,413.1	4,826.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	
7	Ao Cát	Phí Trạch, Phương Tú		5,354.2	10,708.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	
8	Ao Bến Đình	Phí Trạch, Phương Tú		1,635.3	3,270.6	Cảnh quan sinh thái	UBND xã Phương Tú	
9	Hồ Cổng Hống	Ngọc Động, Phương Tú		4,859.9	8,747.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phương Tú	
10	Ao Giữa Thống Nhất	Đặng Giang, Hoà Phú		8,636.3	17,272.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	
11	Ao Cửa Đình Thống Nhất (Đình Quán Hạ)	Đặng Giang, Hoà Phú		4,698.2	9,396.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	
12	Ao Cửa Đình Thống Nhất (Quán Quán Thượng)	Đặng Giang, Hoà Phú		4,822.3	9,644.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	
13	Hồ Ngược thôn Đặng Giang	Đặng Giang, Hoà Phú		4,732.9	9,465.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	
14	Hồ Xuôi An Phú	An Phú, Hoà Phú		6,042.0	12,084.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	
15	Ao Gốc Gạo	Dư Xá, Hoà Phú		2,746.7	5,493.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	

16	Ao Ven làng	Dư Xá, Hoà Phú		5,295.4	10,590.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	
17	Ao Ven làng	Dư Xá, Hoà Phú		3,184.8	6,369.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	
18	Ao Ven làng	Dư Xá, Hoà Phú		4,082.5	8,165.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Hòa Phú	
19	Ao trước cửa ông Hiệu	Đông Đình, Đại Cường		3,844.2	5,766.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	
20	Ao trước cửa ông Xiêm	Đông Đình, Đại Cường		3,823.5	5,735.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	
21	Ao trước cửa ông Khẩn	Đông Đình, Đại Cường		3,945.3	5,918.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	
22	Ao trước cửa ông Biên	Đông Đình, Đại Cường		2,836.5	4,254.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	
23	Ao Đình Đông Đình	Đông Đình, Đại Cường		5,433.2	8,149.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	
24	Ao Đình Giang Triều	Giang Triều, Đại Cường		3,245.0	6,490.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Cường	
25	Hồ Xuôi	Phù Lưu Thượng, Phù Lưu		17,938.7	30,495.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phù Lưu	
26	Chuôm Xuôi đường Chùa	Phù Lưu Hạ, Phù Lưu		30,099.5	60,199.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phù Lưu	
27	Vực Trên	Phù Lưu Hạ, Phù Lưu		40,536.2	81,072.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Phù Lưu	
28	Ao Đình	Đình Tràng, Liên Bạt		5,708.9	9,705.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Liên Bạt	
29	Ao Nông Dân	Bật ngô, Liên Bạt		1,351.0	2,702.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Liên Bạt	
30	Ao Đình Năm	Quảng Nguyên, Quảng Phú Cầu		3,398.9	7,137.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Quảng Phú Cầu	
31	Ao Đình	Quảng Nguyên, Quảng Phú Cầu		3,984.5	7,969.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Quảng Phú Cầu	
32	Ao Đình	Quảng Nguyên, Quảng Phú Cầu		1,836.4	3,672.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Quảng Phú Cầu	
33	Ao Đình	Quảng Nguyên, Quảng Phú Cầu		912.4	1,642.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Quảng Phú Cầu	
34	Ao Đồng Cửa	Đạo Tú, Quảng phú Cầu		7,000.0	14,000.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Quảng Phú Cầu	
35	Ao Vườn Cót	Caâu Bâu, Quảng Phú Cầu		3,155.7	6,000.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Quảng Phú Cầu	
36	Ao xóm trong	Đào Xá, Đông Lỗ		8,873.0	141,968.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
37	Ao xóm trong	Đào Xá, Đông Lỗ		8,209.0	14,776.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
38	Ao Đình	Đào Xá, Đông Lỗ		2,794.0	4,191.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
39	Ao xóm ngoài	Đào Xá, Đông Lỗ		5,274.0	10,548.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
40	Ao đình	Viên Đình, Đông Lỗ		2,794.0	5,588.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
41	Ao đình	Viên Đình, Đông Lỗ		3,965.0	8,326.5	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
42	Ao xóm Mãn	Viên Đình, Đông Lỗ		11,245.0	21,365.5	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
43	Ao xóm Đông	Viên Đình, Đông Lỗ		4,697.0	9,394.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
44	Ao xóm trong	Viên Đình, Đông Lỗ		5,668.0	10,202.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
45	Ao làng	Nhân Trai, Đông Lỗ		4,217.0	7,168.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
46	Ao làng	Thống Nhất, Đông Lỗ		6,938.0	13,876.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
47	Ao xóm trong	Viên Đình, Đông Lỗ		5,976.0	11,952.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đông Lỗ	
48	Ao Cửa Cống	Giới Đức, Minh Đức		8,036.9	12,055.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Minh Đức	
49	Ao Hồ Dưới	Giới Đức, Minh Đức		7,533.1	11,299.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Minh Đức	
50	Ao Nông Dân	Giới Đức, Minh Đức		6,441.5	9,662.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Minh Đức	
51	Ao Đẳng Man	Đông Dương, Tảo Dương Văn		6,261.2	14,400.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
52	Ao Đẳng Man	Đông Dương, Tảo Dương Văn		5,442.2	13,061.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
53	Ao Đẳng Man	Đông Dương, Tảo Dương Văn		5,562.9	12,794.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
54	Ao Đẳng Man	Đông Dương, Tảo Dương Văn		4,355.4	9,581.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
55	Ao Đẳng Man	Đông Dương, Tảo Dương Văn		2,890.0	5,203.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
56	Ao Đẳng Man	Đông Dương, Tảo Dương Văn		3,573.9	6,790.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
57	Ao Đẳng Man	Đông Dương, Tảo Dương Văn		4,300.3	8,170.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
58	Ao Đẳng Man	Đông Dương, Tảo Dương Văn		4,567.9	7,308.6	Cảnh quan sinh thái	UBND xã Tảo Dương Văn	
59	Ao Đẳng Chùa	Đông Dương, Tảo Dương Văn		2,912.6	4,660.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
60	Ao Đẳng Chùa	Đông Dương, Tảo Dương Văn		5,578.5	11,157.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
61	Ao Đẳng Chùa	Đông Dương, Tảo Dương Văn		3,592.0	7,184.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
62	Ao trước cửa nhà văn hoá Văn Ông	Văn Ông, xã Tảo Dương Văn		5,288.5	9,850.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	

63	Ao Trước cửa Miếu Trúc	Văn Ông, xã Tảo Dương Văn		1,988.8	2,940.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
64	Ao trước Đình Văn Ông	Văn Ông, xã Tảo Dương Văn		3,590.3	6,375.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
65	Ao trước Miếu Gương	Văn Ông, xã Tảo Dương Văn		1,286.7	1,495.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
66	Ao Khu nhà Ô Ty	Văn Ông, Tảo Dương Văn		3,238.6	4,857.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
67	Ao giáp đội 8	Văn Ông, Tảo Dương Văn		6,751.9	10,127.9	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
68	Ao Khu trường TH	Văn Ông, Tảo Dương Văn		3,472.8	6,251.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Tảo Dương Văn	
69	Ao cá Bác Hồ	Tảo Khê, Tảo Dương Văn		8,624.0	16,385.6	Cảnh quan sinh thái	UBND xã Tảo Dương Văn	
70	Ao Chuôm chợ	Tảo Khê, Tảo Dương Văn		13,818.1	27,636.2	Cảnh quan sinh thái	UBND xã Tảo Dương Văn	
71	Ao Miếu	Tảo Khê, Tảo Dương Văn		5,072.8	10,145.6	Cảnh quan sinh thái	UBND xã Tảo Dương Văn	
72	Ao giữa làng	Văn Cao, Tảo Dương Văn		8,900.6	18,691.3	Cảnh quan sinh thái	UBND xã Tảo Dương Văn	
73	Ao Đền thôn Quan Tự	Quan Tự, xã Đại Hùng		1,389.3	2,084.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Hùng	
74	Ao đình thôn Du Đồng	Du Đồng, Đại Hùng		2,194.4	3,291.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Đại Hùng	
75	Ao Đình	Trung Thịnh, Trường Thịnh		2,955,00	5,910.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trường Thịnh	
76	Ao Cửa Đình	Yên Trường, Trường Thịnh		3.786,00	7,572.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trường Thịnh	
77	Ao cá Bác Hồ	Trung Thịnh, Trường Thịnh		6.271,80	12,543.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trường Thịnh	
78	Chùa Dư Khánh	Hoa Đường, Trường Thịnh		1.831,60	3,663.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trường Thịnh	
79	Chùa Dư Khánh	Hoa Đường, Trường Thịnh		1.068,90	2,137.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trường Thịnh	
80	Chùa Dư Khánh	Hoa Đường, Trường Thịnh		828,20	1,656.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trường Thịnh	
81	Ao Đình	Xuân Đài, Trầm Lộng		1,987.8	3,975.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
82	Ao các cụ	Cao Minh, Trầm Lộng		3,781.7	7,563.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
83	Ao làng	Cao Minh, Trầm Lộng		1,660.9	3,321.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
84	Ao Sau Đình	Thu Nội, Trầm Lộng		7,689.8	15,379.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
85	Ao Đình	Cửa đình làng An Cự, Trầm Lộng		12,515.3	25,030.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
86	Ao Cửa Đền Đông	Cửa Đền Đông thôn An Cự, Trầm Lộng		6,628.0	13,256.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
87	Ao Cửa Đền Tây	Cửa Đền Đông thôn An Cự, Trầm Lộng		1,505.8	3,011.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
88	Ao Lán	Cạnh đường trục làng, An Cự, Trầm Lộng		1,879.0	3,758.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
89	Ao (Rãnh Đường kết Nghĩa)	Cạnh đường trục làng, An Cự, Trầm Lộng		8,186.2	16,372.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
90	Ao Đình	An Hoà, Trầm Lộng		1,456.3	2,912.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
91	Ao Hậu Đình	Phú Điền, Trầm Lộng		3,776.3	7,552.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
92	Ao Cửa làng	Kiện Vũ, Trầm Lộng		5,332.6	10,665.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
93	Ao Cửa làng	Kiện Vũ, Trầm Lộng		4,628.9	9,257.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
94	Hồ Đình	An Thái, Trầm Lộng		2,373.5	4,747.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
95	Hồ Làng mới	An Thái, Trầm Lộng		2,548.3	5,096.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
96	Ao Thùng Đào	An Thái, Trầm Lộng		11,455.5	22,911.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
97	Hồ đồng ngói 1 (Giáp Đình)	Trạch Xá, Trầm Lộng		6,574.9	13,149.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
98	Ao Xuân Tiên (trước NVH mới)	Trạch Xá, Trầm Lộng		3,495.5	6,991.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
99	Ao Bê dưới	Trạch Xá, Trầm Lộng		2,468.1	4,936.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
100	Ao Ngõ Chùa	Trạch Xá, Trầm Lộng		3,469.8	6,939.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
101	Ao Ông Lập	Trạch Xá, Trầm Lộng		2,182.5	4,365.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
102	Ao Và Dưới	Trạch Xá, Trầm Lộng		4,970.2	9,940.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
103	Ao Ông Thuỷ	Trạch Xá, Trầm Lộng		3,542.7	7,085.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Trầm Lộng	
104	Ao ông Phương	Tử Dương, Cao Sơn Tiến		1,575.0	3,150.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
105	ao đội 1	Tử Dương, Cao Sơn Tiến		2,045.6	4,091.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
106	Ao bà lý san	Tử Dương, Cao Sơn Tiến		861.0	1,808.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
107	Ao ông sửa	Tử Dương, Cao Sơn Tiến		771.5	1,697.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	

108	Ao đội 2	Từ Dương, Cao Sơn Tiến		2,329.4	4,658.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
109	Ao đội 4	Từ Dương, Cao Sơn Tiến		1,490.4	2,831.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
110	Ao Muống	Từ Dương, Cao Sơn Tiến		5,435.8	11,958.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
111	Ao đồng nam	Từ Dương, Cao Sơn Tiến		1,788.2	3,576.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
112	đầu ao	Từ Dương, Cao Sơn Tiến		432.8	822.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
113	Ao đội 3	Từ Dương, Cao Sơn Tiến		2,196.9	4,613.5	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
114	ao cá bạc hồ	Từ Dương, Cao Sơn Tiến		1,592.3	3,184.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
115	ao hậu Xá	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		7,675.2	13,815.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
116	Ao Lão 1	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		14,929.2	25,379.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
117	Ao Cừ Trên	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		6,609.6	15,202.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
118	Ao Cừ Dưới	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		5,169.6	9,305.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
119	Ao Bà Trung	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		10,497.6	20,995.2	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
120	Ao Đội 7	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		19,821.6	37,661.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
121	Ao Đội 9	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		13,993.2	25,187.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
122	Ao Ươm 1+2	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		7,488.0	15,724.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
123	ao Chuôm cửa ao	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		2,034.0	4,068.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
124	ao Chuôm cửa ao	Cao Lãm, Cao Sơn Tiến		1,130.4	2,260.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
125	Ao số 1	Hoàng Dương, Cao Sơn Tiến		14,053.2	26,701.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
126	Ao số 3	Hoàng Dương, Cao Sơn Tiến		14,024.6	30,854.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
127	Ao số 4	Hoàng Dương, Cao Sơn Tiến		16,431.4	31,219.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
128	Ao số 3	Nghi Lộc, Cao Sơn Tiến		1,933.6	3,287.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
129	Ao số 4	Nghi Lộc, Cao Sơn Tiến		3,859.8	7,719.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
130	Ao số 5	Nghi Lộc, Cao Sơn Tiến		4,076.4	8,152.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
131	Ao số 7	Nghi Lộc, Cao Sơn Tiến		7,284.1	15,296.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
132	Ao số 8	Nghi Lộc, Cao Sơn Tiến		7,983.2	15,966.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
133	Ao Bờ Hồ	Đoàn Xá, Cao Sơn Tiến		13,974.4	32,141.1	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
134	Ao Bến Thề	Giang Làng, Cao Sơn Tiến		5,652.3	11,304.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
135	Ao Nhà Thờ	Giang Soi, Cao Sơn Tiến		6,698.9	13,397.8	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
136	Ao Sen trung tâm	Giang Đường, Cao Sơn Tiến		9,102.5	15,474.3	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
137	Ao Cửa Chùa	Đoàn Xá, Cao Sơn Tiến		17,449.2	29,663.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
138	Ao Ngõ Đồng	Thành Vật, Cao Sơn Tiến		3,036.8	6,073.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
139	Ao Đình	Giang Làng, Cao Sơn Tiến		4,903.0	9,806.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Cao Sơn Tiến	
140	Ao nhà Văn Hóa	Tu Lễ, Kim Đường		1,548.7	2,942.5	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Kim Đường	
141	Ao sân kho	Tu Lễ, Kim Đường		3,045.9	4,873.4	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Kim Đường	
142	Ao Cửa Đình	Phượng Viên, Kim Đường		1,348.8	2,562.7	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Kim Đường	
143	Hồ Đình	Kim Bồng, Kim Đường		1,533.9	2,607.6	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Kim Đường	
144	Ao làng	Tu Lễ, Kim Đường		1,517.0	3,034.0	Cảnh quan sinh thái, NTS	UBND xã Kim Đường	